

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 154/NQ-CP
(Kèm theo văn bản số 296 /UBND-KT ngày 10 /5/2021 của UBND Tỉnh Đồng Tháp)

TT	NHÓM/ ĐỐI TƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG SỐ PHÊ DUYỆT		ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ	
			SỐ ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN (Triệu đồng)	SỐ ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN (Triệu đồng)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>	<i>e</i>	<i>g</i>
TỔNG CỘNG						
1	Số người được hỗ trợ	Người	218,997	219,857	216,071	214,377
2	Số hộ được hỗ trợ	Hộ	2,711	2,711	2,614	2,614
3	Số doanh nghiệp/ cơ sở được hỗ trợ	Cơ sở/ Doanh nghiệp				
I	NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG LƯƠNG					
1	Số doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ cho người lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không lương	Doanh nghiệp				
2	Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	Người	194	433.8	194	433.8
3	Người lao động nghỉ việc không lương	Người				
II	HỘ KINH DOANH (CÓ DOANH THU KHAI THUẾ DƯỚI 100 TRIỆU ĐỒNG/NĂM TẠM NGỪNG KINH DOANH TỪ NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2020)	Hộ	2,711	2,711	2,614	2,614
III	NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP	Người	56	56	56	56
IV	NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM	Người				
1	Nhóm 1:	Người				
1.1	Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định	Người	8,915	8,915	8,791	8,774
1.2	Thu gom rác, phế liệu	Người	509	509	502	495
1.3	Bốc vác, vận chuyển hàng hóa	Người	2,547	2,547	2,489	2,476
1.4	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách		2,038	2,038	2,019	2,002
1.5	Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe	Người	11,463	11,463	11,023	10,968
2	Nhóm 2: Bán lẻ xổ số lưu động	Người	1,545	1,545	1,545	1,501
3	Nhóm 3: Đối tượng do UBND cấp tỉnh Quyết định mở rộng thêm, chi tiết các loại đối tượng (nếu có)	Người				
	(ghi rõ nhóm đối tượng)	Người				

TT	NHÓM/ ĐỐI TƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG SỐ PHÊ DUYỆT		ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ	
			SỐ ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN (Triệu đồng)	SỐ ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN (Triệu đồng)
V	NGƯỜI CÓ CÔNG; NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO; ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người				
1.1	Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người	7,584	11,320.5	7,490	11,189.5
1.2	Thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng	Người	697	1,028.0	692	1,038
1.3	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng	Người				
2	Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	56,693	84,941.5	56,129	81,772
3	Người thuộc Hộ nghèo, hộ cận nghèo	Người				
3.1	Số Hộ nghèo được hỗ trợ	Hộ	12,542			
3.2	Người thuộc hộ nghèo được hưởng hỗ trợ	Người	36,242	27,190.5	35,855	26,887
3.3	Số Hộ cận nghèo	Hộ	25,251			
3.4	Người thuộc hộ cận nghèo được hưởng hỗ trợ	Người	90,514	67,870	89,286	66,785
VI	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG					
1	Số tổ chức, đơn vị được vay vốn	Cơ sở, doanh tập				
2	Số Người lao động được trả 50% lương từ vốn vay	Người				